

Bản án số: 897/2019/KDTM-PT

Ngày 14/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các thẩm phán:

Bà Bùi Ngọc Anh

Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 tháng 7, ngày 12 tháng 8, ngày 28 tháng 8, ngày 16 tháng 9 và ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/KDTM-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2315/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 4279/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên V

(Là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng A - Địa chỉ Chi nhánh: 162-166 LTK, Phường XIV, Quận X, Thành phố H)

Địa chỉ: 22 HV, Phường LTT, quận HK, TP HN

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ - trú tại 160 BĐ, phường TĐĐ, quận HK, TP HN, ông Trần Văn S - trú tại 33 Tổ 4, Phường TT, quận LB, TP HN (Giấy ủy quyền số 35/GUQ-TGD ngày 14/6/2019) (có mặt)

Bị đơn:

1. Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG

Địa chỉ: 62 Đường 33, phường BA, Quận W, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Bà Thân Hồng Thanh G

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Thân Thanh Hương G, trú tại 62-64-66 Đường 33, KP 2, phường BA, Quận W, Thành phố H và ông Vương Hoàng Nhất P, trú tại 91 ND, phường BN, Quận Q, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 06/8/2019) (có mặt)

2. Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG
Địa chỉ: 64 Đường 33, phường BA, Quận W, Thành phố H
Người đại diện hợp pháp: Ông Thân Thanh G

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Thân Thanh Hương G, trú tại 62-64-66 Đường 33, KP 2, phường BA, Quận W, Thành phố H và ông Vương Hoàng Nhất P, trú tại 91 ND, phường BN, Quận Q, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 06/8/2019) (có mặt)

3. Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG
Địa chỉ: 66 Đường 33, phường BA, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Việt H

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Thân Thanh Hương G, trú tại 62-64-66 Đường 33, KP 2, phường BA, Quận W, Thành phố H và ông Vương Hoàng Nhất P, trú tại 91 ND, phường BN, Quận Q, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 06/8/2019) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (03 công ty nêu trên) là Luật sư H của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thân Thanh G, sinh năm 1950

2. Bà Nguyễn Việt H, sinh năm 1959

Cùng cư trú: 62 Đường 33, KP 2, phường BA, Quận W, Thành phố H (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H là Luật sư H của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

3. Bà Thân Hồng Thanh G, sinh năm 1991 (vắng mặt)

4. Bà Thân Hồng Việt T, sinh năm 1987(vắng mặt)

5. Bà Thân Thanh Hương G, sinh năm 1994 (có mặt)

Cùng cư trú: 62-64-66 Đường 33, KP 2, P. BA, Quận W, TP H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bà Thân Hồng Thanh Gi, Thân Hồng Việt T và Thân Thanh Hương G là Luật sư H của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

6. Ông Thân Văn Tht, sinh năm 1905 (vắng mặt)

7. Bà Chu Thị N, sinh năm 1915 (vắng mặt)

8. Ông Phạm Thành Q, sinh năm 1928 (vắng mặt)

9. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1930 (vắng mặt)

10. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1918 (vắng mặt)

11. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt)

12. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1954 (vắng mặt)

13. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

14. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1957 (vắng mặt)

15. Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1921 (vắng mặt)

16. Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1934 (vắng mặt)

17. Bà Nguyễn Thảo N, sinh năm 1952 (vắng mặt)

18. Ông Trần Minh H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

19. Ông Cao Xuân V, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng cư trú: 62-64-66 Đường 33, KP 2, phường BA, Quận W, Thành phố H

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G, Thân Thanh Hương G và Thân Hồng Việt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng A (gọi tắt là A) có ông Trần Thanh B làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

- A chi nhánh Lý Thường Kiệt và Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG (gọi tắt là Công ty PG) có ký Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600800 ký ngày 25/11/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 20/11/2017 với nội dung là Công ty PG vay A số tiền 20.000.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các ngành nghề theo giấy đăng ký kinh doanh, lãi suất vay là 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng, 9%/năm tại thời điểm hiện nay, lãi suất nợ quá hạn là 150% so với lãi suất đã thỏa thuận. Thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm nhận nợ theo từng lần giải ngân, tối đa không quá 09 tháng, trả lãi tiền vay hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng của khoản giải ngân là ngày 29/8/2017. Hiện nay tổng số nợ là 18.321.583.889 đồng, trong đó nợ gốc là 14.980.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.381.031.389 đồng và lãi phạt quá hạn là 960.552.500 đồng (quá hạn trả nợ gốc từ ngày 30/8/2017, trả nợ lãi từ ngày 26/8/2017).

- A chi nhánh Lý Thường Kiệt và Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG (gọi tắt là Công ty NG) có ký Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600801 ký ngày 25/11/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 20/11/2017 với nội dung là Công ty NG vay A số tiền 20.500.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các ngành nghề theo giấy đăng ký kinh doanh, lãi suất vay là 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, 9%/năm tại thời điểm hiện nay, lãi suất nợ quá hạn là 150% so với lãi suất đã thỏa thuận. Thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm nhận nợ theo từng lần giải ngân, tối đa không quá 9 tháng, trả lãi tiền vay hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng của khoản giải ngân là ngày 28/8/2017. Hiện nay tổng số nợ là 18.914.503.611 đồng, trong đó nợ gốc là 15.470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.451.676.111 đồng và lãi phạt quá hạn là 992.827.500 đồng (quá hạn trả nợ gốc từ ngày 29/8/2017, trả nợ lãi từ ngày 26/8/2017).

- A chi nhánh Lý Thường Kiệt và Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG (gọi tắt là Công ty KG) có ký Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600802 ký ngày 25/11/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 20/11/2017 với nội dung là Công ty KG vay A số tiền 20.500.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các ngành nghề theo giấy đăng ký kinh doanh, lãi suất vay là 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, 9%/năm tại thời điểm hiện nay, lãi suất nợ quá hạn là 150% so với lãi suất đã thỏa thuận. Thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm nhận nợ theo từng lần giải ngân, tối đa không quá 9 tháng, trả lãi tiền vay hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng của khoản giải ngân là ngày 28/8/2017. Hiện nay tổng số nợ là 18.925.932.361 đồng, trong đó nợ gốc là 15.480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.452.628.611 đồng và lãi phạt quá hạn là 993.303.750 đồng (quá hạn trả nợ gốc từ ngày 29/8/2017, trả nợ lãi từ ngày 26/8/2017).

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H đã thế chấp các tài sản:

- Căn nhà và đất tại địa chỉ số 62-64 Đường 33, Khu phố 2, phường BA, Quận W, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành BL673312, sổ vào sổ CH00632 do Ủy ban nhân dân Quận W cấp ngày 28/11/2012 cho ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H. Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 100/HĐTC-2016 ngày 25/11/2016 có công chứng số 003278, Quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 của Văn phòng công chứng P; Hợp đồng thế chấp số 101/HĐTC-2016 ngày 25/11/2016 có công chứng số 003280, Quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 của Văn phòng công chứng P; Hợp đồng thế chấp số 102/HĐTC-2016 ngày 25/11/2016 có công chứng số 003281, Quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2016 của Văn phòng công chứng P và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận W, TP H ngày 28/11/2016.

- Quyền sử dụng đất tại xã ND, huyện NB, TP H theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 617427-H01990 ngày 11/10/2007, số AH 798882-H01811 ngày 25/7/2007, số AH 798883-H01808 ngày 25/7/2007, số AH798884-H01809 ngày 25/7/2007, số AG489162-H01673 ngày 22/5/2007, số AH798881-H01812 ngày 25/7/2007, số AG489156-H01651 ngày 11/5/2007, số BV237481-CH04514 ngày 09/12/2014, số AH798571-H01724 ngày 18/6/2007, số AG489177-H01674 ngày 22/5/2007, số AG489146-H01652 ngày 11/5/2007, số AG489144-H01653 ngày 11/5/2007, số AG489178-H01672 ngày 22/5/2007, số AG489147-H01663 ngày 14/5/2007, số AG489748-H01725 ngày 18/6/2007, số AK447866-H02063 ngày 10/12/2007, số AK447867-H02070 ngày 10/12/2007, số AK447868-H02069 ngày 10/12/2017, số AK447869-H02071 ngày 10/12/2007, số AK447870-H02068 ngày 10/12/2007, số AK447871-H02067 ngày 10/12/2007, số AK447872-H02065 ngày 10/12/2007, số AK447873-H02064 ngày 10/12/2007, số AK447874-H02062 ngày 10/12/2007 và số

AK447875-H02066 ngày 10/12/2007 do Ủy ban nhân dân huyện NB cấp ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H. Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của người khác số 42/HĐTC-2015 ngày 20/5/2015 có công chứng số 011561, Quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2015 của Văn phòng công chứng H và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 171/PLHĐTC-2017 ngày 18/11/2017 có công chứng số 039405, Quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/11/2017 của Văn phòng công chứng H và tất cả đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện NB, TP H ngày 21/5/2015.

Do các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG không thanh toán nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên, nên A đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận X với các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty PG trả ngay cho A số nợ tạm tính đến ngày 26/12/2018 là 18.321.583.889 đồng; trong đó nợ gốc là 14.980.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.381.031.389 đồng và lãi quá hạn là 960.552.500 đồng.

- Buộc Công ty NG trả ngay cho A số nợ tạm tính đến ngày 26/12/2018 là 18.914.503.611 đồng; trong đó nợ gốc là 15.470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.451.676.111 đồng và lãi quá hạn là 992.827.500 đồng.

- Buộc Công ty KG trả ngay cho A số nợ tạm tính đến ngày 26/12/2018 là 18.925.932.361 đồng; trong đó nợ gốc là 15.480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.452.628.611 đồng và lãi quá hạn là 993.303.750 đồng.

Nếu, các công ty nêu trên không thanh toán cho A số nợ như đã trình bày, yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp để A thu hồi nợ.

Bị đơn là các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG có luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

- Căn cứ theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhận thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thân Hồng Việt Thiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Việc tổng đạt thì Tòa án Cấp sơ thẩm không thực hiện theo địa chỉ ở nước ngoài đối với bà Thân Hồng Việt T mà bị đơn đã gửi cho Tòa án vào ngày 06/11/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét về thẩm quyền giải quyết.

- Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG có ký các hợp đồng tín dụng theo như trình bày của A. Tuy nhiên, A phải chứng minh việc thông báo thay đổi lãi suất về việc tính lãi gốc và lãi quá hạn vì lúc vay lãi suất 7%, hiện nay lãi suất 9%. Nợ gốc là đúng, còn nợ lãi thì A phải có nghĩa vụ chứng minh có sự thay đổi mức lãi suất do quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không có nhận thông báo của A cũng như tham dự phiên tòa. A yêu cầu tính lãi đến ngày 26/12/2018 là không đúng vì một ngày phải tính đến hết 24 giờ. Bị đơn không đồng ý nợ lãi mà A khởi kiện. A yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì yêu cầu A trình bày cho Hội đồng xét xử sơ thẩm biết tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm không?

Theo Bản tự khai vào ngày 11/01/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Việt H và ông Thân Thanh G (ông G có bà Thân Thanh Hương

Gđại diện theo ủy quyền) trình bày: xác nhận Công ty NG có vay tại A - Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Quận X theo Hợp đồng tín dụng số 1603-LVA-201600801 ký ngày 25/11/2016 với số nợ gốc là 20,500,000,000 đồng, lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng là 7%/năm, lãi suất 9%/năm bắt đầu từ ngày 01/7/2017 cho đến nay, dư nợ hiện tại là 15.470.000.000 đồng, tính đến ngày 05/01/2018 thì nợ lãi là 1.078.713.611 đồng, quá hạn là 303.907.500 đồng. Số tiền lãi đã trả tính đến ngày 09/12/2017 là 709.527.778 đồng. Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên là Căn nhà và đất tại địa chỉ 62-64 Đường 33, Khu phố 2, phường BA, Quận W, TP H thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Việt H và chồng là ông Thân Thanh G. Hợp đồng thế chấp tương ứng với tài sản bảo đảm nêu trên là Hợp đồng số 101/HĐTC-2016 ngày 25/11/2016. Vợ chồng bà đã thế chấp cho A quyền sử dụng đất có tổng diện tích 2.709m² tọa lạc đường NHT, xã LT, huyện NB. Khoản vay liên quan đến tài sản này đã tắt toán, không còn bảo đảm cho bất kỳ hợp đồng tín dụng nào với A. Trị giá của 2.709m² đất nêu trên chỉ tương đương 1% giá trị tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng 1603-LAV-201600801 là Căn nhà và đất tại địa chỉ 62-64 Đường 33, Khu phố 2, phường BA, Quận W. Để tạo điều kiện cho việc xử lý nợ tốt nhất, hai bà đề nghị A giải chấp 2.709m² đất thuộc quyền sử dụng của ông G bà H.

Các bị đơn khác là Công ty KG, Công ty PG vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Thân Văn T, bà Chu Thị N, ông Phạm Thành Q, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị B, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Hồng N, bà Phạm Thị Hồng N, bà Thân Hồng Việt T, bà Thân Hồng Thanh G, bà Thân Thanh Hương G, bà Nguyễn Thảo N, ông Trần Minh H, ông Cao Xuân V đang cư ngụ tại địa chỉ 62-64-66 Đường 33, Khu phố 2, phường BA, Quận W, TP H được Tòa án Cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/KDTM-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận X đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc:

- Công ty PG có trách nhiệm trả cho Ak số tiền nợ là 18.321.583.889 đồng, trong đó nợ gốc là 14.980.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.381.031.389 đồng và lãi phạt quá hạn là 960.552.500 đồng.

- Công ty NG có trách nhiệm trả cho A số tiền nợ là 18.914.503.611 đồng, trong đó nợ gốc 15.470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.451.676.111 đồng và lãi phạt quá hạn là 992.827.500 đồng.

- Công ty KG có trách nhiệm trả cho A số tiền nợ là 18.925.932.361 đồng, trong đó nợ gốc là 15.480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.452.628.611 đồng và lãi phạt quá hạn là 993.303.750 đồng.

Hai bên thực hiện thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 27/12/2018 theo mức lãi quá hạn trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ nêu trên.

2. Sau khi các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG thanh toán xong các số nợ như án đã tuyên thì A có trách nhiệm hoàn trả ngay các loại giấy tờ (bản chính) liên quan đến Căn nhà số 62-64 Đường 33, Khu phố 2, Phường BA, Quận W, TP H thuộc quyền sở hữu của ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành BL673312, sổ vào sổ cấp GCN CH00632 do Ủy ban nhân dân Quận W, TP H cấp ngày 28/11/2012 (theo các Hợp đồng thế chấp số 100/HĐTD; số 101/HĐTD; số 102/HĐTD -2016 ngày 25/11/2016 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận W, TP H ngày 28/11/2016); Các loại giấy tờ có liên quan đến Quyền sử dụng đất tại xã NĐ, huyện NB, TP H theo các giấy chứng nhận số AK 617427 – H01990 ngày 11/10/2007, số AH 798882-H01811 ngày 25/7/2007, số AH 798883-H01808 ngày 25/7/2007, số AH798884 – H01809 ngày 25/7/2007, số AG489162-H01673 ngày 22/5/2007, số AH798881-H01812 ngày 25/7/2007, số AG489156-H01651 ngày 11/5/2007, số BV237481-CH04514 ngày 09/12/2014, số AH798571-H01724 ngày 18/6/2007, số AG489177-H01674 ngày 22/5/2007, số AG489146-H01652 ngày 11/5/2007, số AG489144-H01653 ngày 11/5/2007, số AG489178 – H01672 ngày 22/5/2007, số AG489147-H01663 ngày 14/5/2007, số AG489748-H01725 ngày 18/6/2007, số AK447866-H02063 ngày 10/12/2007, số AK447867-H02070 ngày 10/12/2007, số AK447868-H02069 ngày 10/12/2017, số AK447869-H02071 ngày 10/12/2007, số AK447870-H02068 ngày 10/12/2007, số AK447871-H02067 ngày 10/12/2007, số AK447872-H02065 ngày 10/12/2007, số AK447873-H02064 ngày 10/12/2007, số AK447874-H02062 ngày 10/12/2007, số AK447875-H02066 ngày 10/12/2007 cho ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H (nếu ông G và bà H không dùng các tài sản bảo đảm này thực hiện giao dịch thế chấp bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ khác với A).

3. Trong trường hợp các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG không thanh toán xong số nợ như án đã tuyên thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Căn nhà và đất tại địa chỉ số 62-64 Đường 33, Khu phố 2, Phường BA, Quận W, TP H thuộc quyền sở hữu của ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành BL673312, sổ vào sổ cấp GCN CH00632 do Ủy ban nhân dân Quận W, TP H cấp ngày 28/11/2012 và Quyền sử dụng đất tại xã NĐ, huyện NB, TP H thuộc quyền sử dụng của ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H theo các giấy chứng nhận nêu trên để A thu hồi nợ.

Nếu tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ, các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG còn phải tiếp tục thanh toán cho A đến khi hết nợ.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

A không phải chịu án phí, hoàn lại cho Acác số tiền tạm ứng án phí là 64.436.493 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001901 ngày 24/10/2017, là 64.436.493 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001902 ngày 24/10/2017, là 64.181.944 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001903 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, TP H. Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG phải chịu án phí trên số tiền A yêu cầu được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

- Công ty PG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.321.584 (*Một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Công ty NG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.914.504 (*Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười bốn ngàn năm trăm lẻ bốn*) đồng.

- Công ty KG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.925.932 (*Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm ba mươi hai*) đồng.

Các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G, Thân Thanh Hương G đã có các Đơn kháng cáo cùng đề ngày 04/01/2019 về việc các công ty và ông bà nêu trên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X và nội dung vụ án không hợp tình, hợp lý gây thiệt hại cho gia đình ông G bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ngày 28/12/2018, A đã bán các khoản nợ nêu trên cho Công ty TNHH MTV V (gọi tắt là V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 6808/2018/HĐMBN/VAMC-AGRIBANK.CNLTK. Từ đây, V trở thành chủ nợ của Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và được quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án này theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G, Thân Thanh Hương G và đề nghị y án sơ thẩm do các công ty này vi phạm Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600800 ký ngày 25/11/2016, Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600801 ký ngày 25/11/2016, Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600802 ký ngày 25/11/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 20/11/2017 mà các bên đã ký kết. Theo Bảng chiết tính lãi tại phiên tòa sơ thẩm cũng như Bảng kê tính nợ gốc và lãi tiền vay ngày 19/9/2019 thì tính đến ngày 26/12/2018:

- + Công ty PG phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi là 18.321.583.889 đồng (gồm nợ gốc 14.980.000.000 đồng, lãi 3.341.583.889 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng.

- + Công ty NG phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi là 18.914.503.611 đồng (gồm nợ gốc 15.470.000.000 đồng, lãi 3.444.503.611 đồng) và tiền lãi phát

sinh từ ngày 27/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng.

+ Công ty KG phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi là 18.925.932.361 đồng (gồm nợ gốc 15.480.000.000 đồng, lãi 3.445.932.361 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng.

Nếu, các công ty nêu trên không thanh toán đủ số nợ thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Căn nhà và đất tại địa chỉ số 62-64 Đường 33, Khu phố 2, Phường BA, Quận W, TP H và Quyền sử dụng đất tại xã ND, huyện NB, TP H thuộc quyền sử dụng của ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H theo 25 giấy chứng nhận nêu trên để thu hồi nợ. Kết quả phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì các công ty nêu trên còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn đến khi hết nợ.

Nguyên đơn cho biết thêm là trong vụ án này, bà Thân Hồng Thanh G không liên quan đến khoản nợ nêu trên mà bà chỉ liên quan đến tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của người khác số 42/HĐTC-2015 ngày 20/5/2015.

- Bị đơn có ông Vương Hoàng Nhất P và bà Thân Thanh Hương G là đại diện theo ủy quyền và Luật sư của 03 công ty nêu trên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

+ Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thân Hồng Việt T hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Tòa án Cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng theo địa chỉ ở nước ngoài đối với bà Thân Hồng Việt T mà bị đơn đã thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 06/11/2018 và khi xét xử sơ thẩm xong thì bà Thân Hồng Việt T có kháng cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận nhưng không cho đóng tạm ứng án phí phúc thẩm; Trường hợp bà T có kháng cáo quá hạn thì Tòa án Cấp sơ thẩm phải tiến hành thủ tục kháng cáo quá hạn nhưng Tòa án Cấp sơ thẩm không làm là vi phạm thủ tục tố tụng. Mặt khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H. Tòa án nhân dân Quận X thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền, yêu cầu Tòa án Cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X.

+ V không thể là nguyên đơn trong vụ án này. Nếu, A có bán cho V khoản nợ tín dụng nêu trên mà việc mua bán đã hoàn tất hay chưa thì đến nay chưa có xác nhận của chủ nợ nên đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm phải đưa A vào tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Việc ký kết hợp đồng tín dụng thì bị đơn xác nhận là có ký với Acác hợp đồng, phụ lục hợp đồng tín dụng như nguyên đơn đã trình bày tại các đơn khởi kiện. Quá trình thực hiện các hợp đồng thì A tự trừ tiền vào gốc và lãi mà bị đơn không biết nên bị đơn không xác nhận số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/12/2018) được. Sở phụ của A thể hiện bị đơn có nộp tiền mặt nhưng thực tế bị đơn không có nộp tiền mặt, Tòa án Cấp sơ thẩm không xác minh vấn đề này để xác định chính xác số nợ đến ngày 26/12/2018. Việc A có thay đổi về mức lãi suất vay trong việc tính lãi từ 7% thỏa thuận trong các hợp

đồng lên 9%/năm mà bị đơn hoàn toàn không nhận được thông báo có sự thay đổi này, dẫn đến gia đình ông Gbà H bị thiệt hại, trong đó có bà Thân Hồng Việt T khi phát mãi nhà đất do bà T có đóng góp vào các căn nhà nêu trên. Việc đóng góp bà T không có chứng cứ nhưng A phải tự gánh chịu mà không thể tăng lãi suất. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thanh Hương G và luật sư của bà Thân Thanh Hương G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa A và Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H do có bà Thân Hồng Việt T đang ở nước ngoài. Tòa án Cấp sơ thẩm áp dụng sai quy định của pháp luật trong việc niêm yết đối với bà Thân Hồng Việt T vì bà T đang ở nước ngoài. Về vấn đề thiệt hại đến bà và cha mẹ bà như ý kiến nêu trên của bị đơn. Đề nghị Tòa án Cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H và Thân Hồng Thanh G vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã công bố:

- + Kết quả trả lời xác minh ngày 27/4/2018 của Công an phường BA Quận W tại giai đoạn sơ thẩm là “Tại 62-64-66 Đường 33 Khu phố 2 phường BA Quận W hiện đang có 05 nhân khẩu đăng ký thường trú: 1/ Nguyễn Việt H, sinh năm 1959, 2/ Thân Thanh G, sinh năm 1950 (chồng), 3/ Thân Thanh Hương G, sinh năm 1994 (con), 4/ Thân Hồng Việt T sinh năm 1989 (con), 5/ Thân Hồng Thanh G, sinh năm 1987 (con). Hiện đang thực tế cư trú, gồm: 1/ Nguyễn Việt H, 2/ Thân Thanh G, 3/ Thân Thanh Hương G”.

- + Văn bản số 222/2019/TAQ10 ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận X về việc tiếp nhận đơn kháng cáo (kèm theo việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Thân Hồng Việt T trước và sau khi xét xử sơ thẩm).

- + Văn bản số 606/NHNo-LTK-TH ngày 05/6/2019 của A về việc A đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ tố tụng cho chủ nợ là V.

Ý kiến của nguyên đơn cho rằng A đã sử dụng các khoản tiền trong các tài khoản giao dịch thanh toán của ba Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG mà không phải dùng tài khoản tiền vay của ba công ty này. A và ông Thân Thanh G có lập Biên bản làm việc ngày 24/7/2017 ghi nhận về khoản nợ và gửi khách hàng 04 thông báo điều chỉnh lãi suất tiền vay đối với ba công ty đúng với Điều 6 của ba hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc bà Thân Hồng Việt T có kháng cáo nhưng đơn kháng cáo không có hợp pháp hóa lãnh sự, bà T không cung cấp được biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên không hợp lệ. Việc tham gia tố tụng của V là đúng quy định của Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án nhân dân Quận X thụ lý và giải quyết vụ án nêu trên là đúng với thỏa thuận đương sự và quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm xem như từ bỏ việc kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh về số liệu mà nguyên đơn yêu cầu nên không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các kháng cáo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung các kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức:

- Đơn kháng cáo của các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Hồng Thanh G, Thân Thanh Hương G gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

Tuy nhiên, bà Thân Hồng Thanh G, bà Thân Hồng Việt T và các ông bà Thân Văn T, Chu Thị N, Phạm Thành Q, Hoàng Thị T, Hoàng Thị B, Phạm Văn Đ, Phạm Văn N, Phạm Thị T, Phạm Thị P, Nguyễn Hồng N, Phạm Thị Hồng N, Nguyễn Thảo N, Trần Minh H và Cao Xuân V thì không cư trú tại 62-64-66 Đường 33 Khu phố 2 phường BA Quận W theo kết quả xác minh của Công an phường BA Quận W và tranh chấp nêu trên là tranh chấp hợp đồng tín dụng không phải tranh chấp quyền sở hữu tài sản, do đó việc Tòa án Cấp sơ thẩm đưa các ông bà nêu trên tham gia tố tụng trong vụ án này là không cần thiết kể cả trường hợp bà Thân Hồng Việt T đang cư trú nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đơn kháng cáo của các bà Thân Hồng Thanh G và Thân Hồng Việt T (bà T không nộp biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm). Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét các đơn kháng cáo của các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H, Thân Thanh Hương G.

- Người kháng cáo là bị đơn (Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG), bà Thân Thanh Hương G và Luật sư của bị đơn, bà Thân Thanh Hương G cho rằng *Tòa án Cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng theo địa chỉ ở nước ngoài đối với bà Thân Hồng Việt T mà bị đơn đã thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 06/11/2018 và khi xét xử sơ thẩm xong thì bà Thân Hồng Việt T có kháng cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận nhưng không cho đóng tạm ứng án phí phúc thẩm; Trường hợp bà T có kháng cáo quá hạn thì Tòa án Cấp sơ thẩm phải tiến hành thủ tục kháng cáo quá hạn nhưng Tòa án Cấp sơ thẩm không làm là vi phạm thủ tục tố tụng. Mặt khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H. Tòa án nhân dân Quận X thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm thì yêu cầu này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do Tòa án Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng*

(thủ tục niêm yết) tại địa chỉ mà chủ sở hữu tài sản là ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H đã cung cấp cho Tòa án nhân dân Quận X (Đơn yêu cầu đề ngày 02/4/2018). Mặt khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã phân tích nêu trên việc Tòa án Cấp sơ thẩm đưa bà Thân Hồng Việt T tham gia tố tụng trong vụ án này là không cần thiết. Do đó, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận X là đúng theo Điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Theo Hợp đồng mua bán nợ số 6808/2018/HĐMBN/VAMC-AGRIBANK.CNLTK ngày 28/12/2018 giữa A và V, Văn bản số 606/NHNo-LTK-TH ngày 05/6/2019 của A thì trong vụ tranh chấp nêu trên V trở thành chủ nợ của các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và được quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án này (kể cả giai đoạn phúc thẩm) mà không cần thiết phải đưa A vào tham gia tố tụng đúng theo quy định Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.

- Tòa án Cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa và xét xử liên tục nhiều ngày nhưng người kháng cáo là các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H không đến tham dự phiên tòa thì căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

- Bị đơn và Luật sư bị đơn cho rằng *trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, A tự trừ tiền vào gốc và lãi mà bị đơn không biết nên bị đơn không xác nhận số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/12/2018) và A có thay đổi về mức lãi suất vay từ 7% lên 9%/năm trong việc tính lãi thì bị đơn hoàn toàn không nhận thông báo có sự thay đổi này, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bị thiệt hại* là không có sở chứng cứ để được chấp nhận do tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh về số liệu mà nguyên đơn yêu cầu nên không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận. A và ông Thân Thanh G có lập Biên bản làm việc ngày 24/7/2017 có ghi nhận về khoản nợ và gửi khách hàng 04 thông báo điều chỉnh lãi suất tiền vay đối với các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG. Do đó, bị đơn không chấp nhận mức lãi suất 9%/năm là không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận, bị đơn phải chịu mức lãi suất theo các thông báo của Agribank là 9%/năm mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thanh Hương G và luật sư của bà Thân Thanh Hương G có ý kiến về thẩm quyền giải quyết vụ án này cũng như vấn đề thiệt hại đến gia đình cha mẹ bà Thân Thanh Hương G nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm thì như phân tích nêu trên ý kiến này có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Chấp nhận một phần ý kiến của đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị xem xét đối với kháng cáo của bà Thân Hồng Thanh G do ý kiến này không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và bà Thân Thanh Hương G. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X Thành phố H.

- Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: như bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Do không chấp nhận kháng cáo nên các Công ty PG, Công ty NG, Công ty KG và bà Thân Thanh Hương G phải chịu án phí phúc thẩm.

- Tạm ứng án phí phúc thẩm của các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H sung vào công quỹ Nhà nước.

- Bà Thân Hồng Thanh G được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 3 Điều 68, Điều 286, Khoản 3 Điều 296, Điểm b Khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG và bà Thân Thanh Hương G. Y án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các ông bà Thân Thanh G, Nguyễn Việt H.

2/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV V số nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/12/2018 là 18.321.583.889 (*mười tám tỷ ba trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là 14.980.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.381.031.389 đồng và lãi quá hạn là 960.552.500 đồng.

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV V số nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/12/2018 là 18.914.503.611 (*mười tám tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm lẻ ba nghìn sáu trăm mười một*) đồng, trong đó nợ gốc là 15.470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.451.676.111 đồng và lãi quá hạn là 992.827.500 đồng.

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV V số nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/12/2018 là 18.925.932.361 (*mười tám tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi một*) đồng, trong đó nợ gốc là 15.480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.452.628.611 đồng và lãi quá hạn là 993.303.750 đồng.

Kể từ ngày 27/12/2018, các Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG và Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tương ứng trong các Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600800 ký ngày 25/11/2016, Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600801 ký ngày 25/11/2016, Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201600802 ký ngày 25/11/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 20/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà các công ty nêu trên phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH MTV V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng A.

3/- Sau khi các Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG thanh toán xong các số nợ như án đã tuyên thì Công ty TNHH MTV V có trách nhiệm hoàn trả ngay cho ông Thân Thanh G và bà Nguyễn Việt H các loại giấy tờ (bản chính) liên quan đến Căn nhà số 62-64 Đường 33, Khu phố 2, Phường BA, Quận W, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BL673312, sổ vào sổ cấp GCN CH00632 do Ủy ban nhân dân Quận W, TP H cấp ngày 28/11/2012; Các loại giấy tờ có liên quan đến Quyền sử dụng đất tại xã NĐ, huyện NB, TP H theo các Giấy chứng nhận số AK 617427 – H01990 ngày 11/10/2007, số AH 798882-H01811 ngày 25/7/2007, số AH 798883-H01808 ngày 25/7/2007, số AH 798884- H01809 ngày 25/7/2007, số AG 489162-H01673 ngày 22/5/2007, số AH 798881-H01812 ngày 25/7/2007, số AG 489156-H01651 ngày 11/5/2007, số BV 237481-CH04514 ngày 09/12/2014, số AH 798571-H01724 ngày 18/6/2007, số AG 489177-H01674 ngày 22/5/2007, số AG 489146-H01652 ngày 11/5/2007, số AG 489144-H01653 ngày 11/5/2007, số AG 489178 – H01672 ngày 22/5/2007, số AG 489147-H01663 ngày 14/5/2007, số AG 489748-H01725 ngày 18/6/2007, số AK 447866-H02063 ngày 10/12/2007, số AK 447867-H02070

ngày 10/12/2007, số AK 447868-H02069 ngày 10/12/2017, số AK 447869-H02071 ngày 10/12/2007, số AK 447870-H02068 ngày 10/12/2007, số AK 447871-H02067 ngày 10/12/2007, số AK 447872-H02065 ngày 10/12/2007, số AK 447873-H02064 ngày 10/12/2007, số AK 447874-H02062 ngày 10/12/2007, số AK 447875-H02066 ngày 10/12/2007 do Ủy ban nhân dân huyện NB, TP H cấp.

4/- Trong trường hợp, các Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV V được quyền thu hồi nợ thông qua việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên tương ứng với các Hợp đồng thế chấp số 100/HĐTD-2016, số 101/HĐTD-2016, số 102/HĐTD-2016 ngày 25/11/2016; các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của người khác số 42/HĐTC-2015 ngày 20/5/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 171/PLHĐTC-2017 ngày 18/11/2017. Nếu phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì các công ty nêu trên còn phải tiếp tục trả nợ cho Công ty TNHH MTV V cho đến khi hết nợ.

5/- Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG phải chịu án phí sơ thẩm là 126.321.584 (*một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi bốn*) đồng

+ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG phải chịu án phí sơ thẩm là 126.914.504 (*một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn năm trăm lẻ bốn*) đồng

+ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG phải chịu án phí sơ thẩm là 126.925.932 (*một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi hai*) đồng

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV V (Ngân hàng A) các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 64.436.493 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001901 ngày 24/10/2017, là 64.436.493 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001902 ngày 24/10/2017, là 64.181.944 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0001903 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H.

- Án phí phúc thẩm:

+ Các Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ PG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ NG, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thương mại và Dịch vụ KG phải chịu án phí phúc thẩm của từng công ty là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số AA/2018/0016864 ngày 08/01/2019, số AA/2018/0017008 ngày 25/02/2019; số AA/2018/0016865 ngày 08/01/2019, số AA/2018/0017009 ngày

25/02/2019; số AA/2018/0016866 ngày 08/01/2019, số AA/2018/0017010 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H.

+ Bà Thân Thanh Hương G phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số AA/2018/0016863 ngày 08/01/2019, số AA/2018/0017011 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H.

+ Ông Thân Thanh G đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số AA/2018/0016923 ngày 18/01/2019, số AA/2018/0017014 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Bà Nguyễn Việt H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số AA/2018/0016924 ngày 18/01/2019, số AA/2018/0017013 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Hoàn trả cho bà Bà Thân Hồng Thanh G số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số AA/2018/0016925 ngày 08/01/2019, số AA/2018/0017012 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- TAND Quận X;
- Cục THADS TPH;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng